

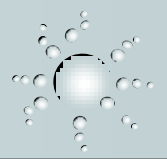
# **CHƯƠNG 2**

# **KÊ TOÁN TSCĐ**

## **(ACCOUNTING FOR NON-CURRENT ASSETS)**

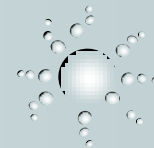


# MỤC TIÊU CHƯƠNG TSCĐ



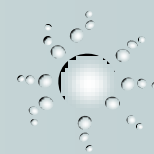
- **Chương 2 giúp cho người học hiểu:**
  - Khái niệm và nguyên tắc ghi nhận TSCĐ
  - Xác định giá trị của TSCĐ
  - Các phương pháp khấu hao TSCĐ
  - Các phương pháp hạch toán TSCĐ khi tăng, giảm, khấu hao và sửa chữa TSCĐ
  - Cách trình bày thông tin trên báo cáo tài chính

# TÀI LIỆU THAM KHẢO



- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS 03, 04 và 05)
- Luật kế toán 03/2003/QH11
- Thông tư 200/2014/TT/BCT, thông tư 45/2013/TT/BTC
- Giáo trình Kế toán tài chính - trường đại học Ngân hàng TPHCM
- Giáo trình Kế toán tài chính – trường đại học Kinh tế TPHCM
- Báo cáo tài chính của các Doanh Nghiệp

# NỘI DUNG CHÍNH



-  **Những vấn đề chung về TSCĐ**.....●
-  **Kế toán tăng, giảm TSCĐ**.....●
-  **Kế toán khấu hao TSCĐ**.....●
-  **Kế toán sửa chữa TSCĐ**.....●
-  **Trình bày thông tin trên BCTC**.....●

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## 1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐIỀU KIỆN GHI NHẬN

### ❖ TSCĐ hữu hình (tangible fixed assets / non – current tangible assets)

Là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình

Ví dụ: nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải...



(VAS 03)

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## ❖ TSCĐ vô hình (intangible fixed assets/ non-current intangible assets)

Là những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình

Ví dụ: Quyền sử dụng đất, phần mềm, bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả...

(VAS 04)

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## ❖ TSCĐ thuê tài chính (financial lease fixed assets/ leased non – current assets)

Thuê tài chính: Là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

**(VAS 05)**

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## ❖ Điều kiện ghi nhận TSCĐ

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm.
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy và có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành (từ 30.000.000 trở lên theo thông tư 45/2013/TT/BTC).



# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

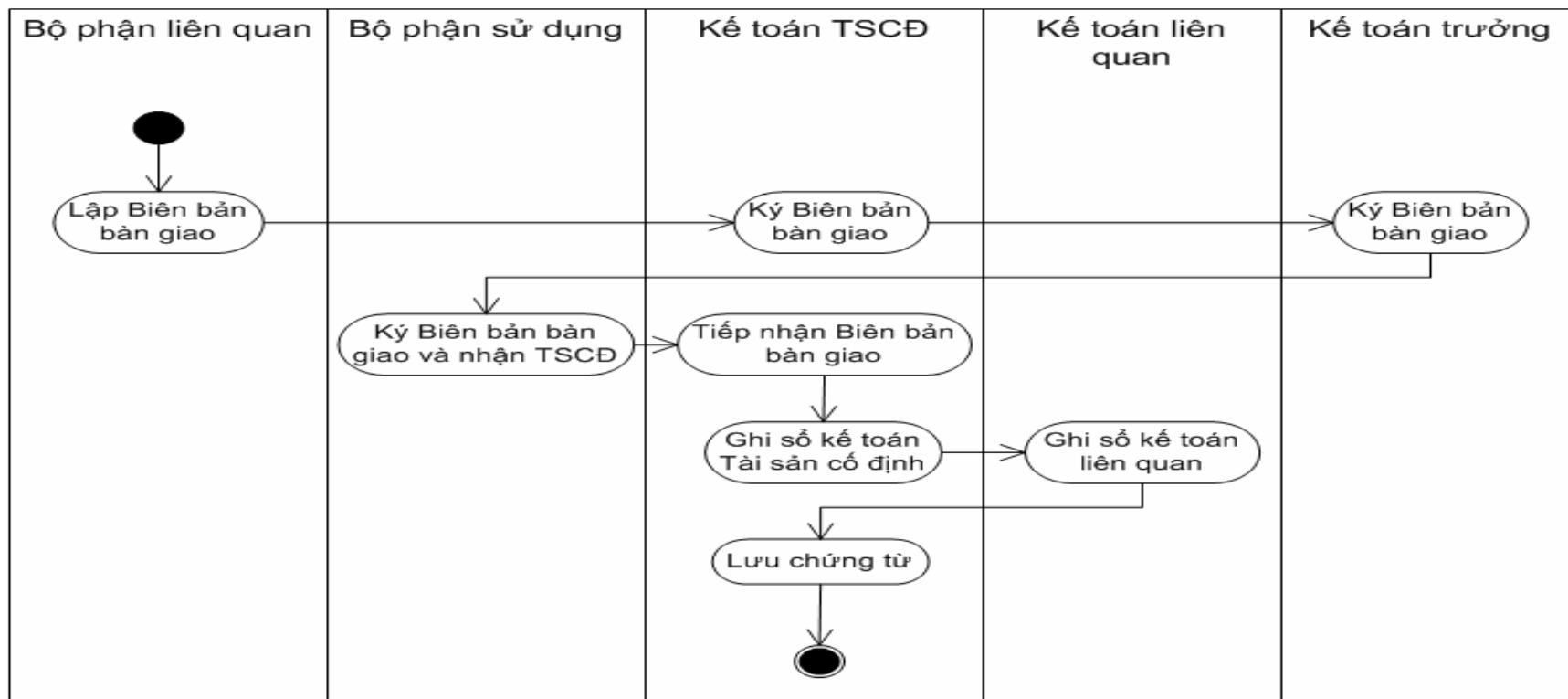
## ❖ Các trường hợp thuê tài sản dưới đây thường dẫn đến hợp đồng thuê tài chính:

- Bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên thuê khi hết thời hạn thuê.
- Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, bên thuê có quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê với mức giá ước tính thấp hơn giá trị hợp lý vào cuối thời hạn thuê.
- Thời hạn thuê tài sản tối thiểu phải chiếm phần lớn thời gian sử dụng kinh tế của tài sản cho dù không có sự chuyển giao quyền sở hữu.
- Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu chiếm phần lớn (tương đương) giá trị hợp lý của tài sản thuê.
- Tài sản thuê thuộc loại chuyên dùng mà chỉ có bên thuê có khả năng sử dụng không cần có sự thay đổi, sửa chữa lớn nào.

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## 1.2. QUY TRÌNH KẾ TOÁN TSCĐ

### ❖ KHI BÀN GIAO TSCĐ



BBGNTSCĐ

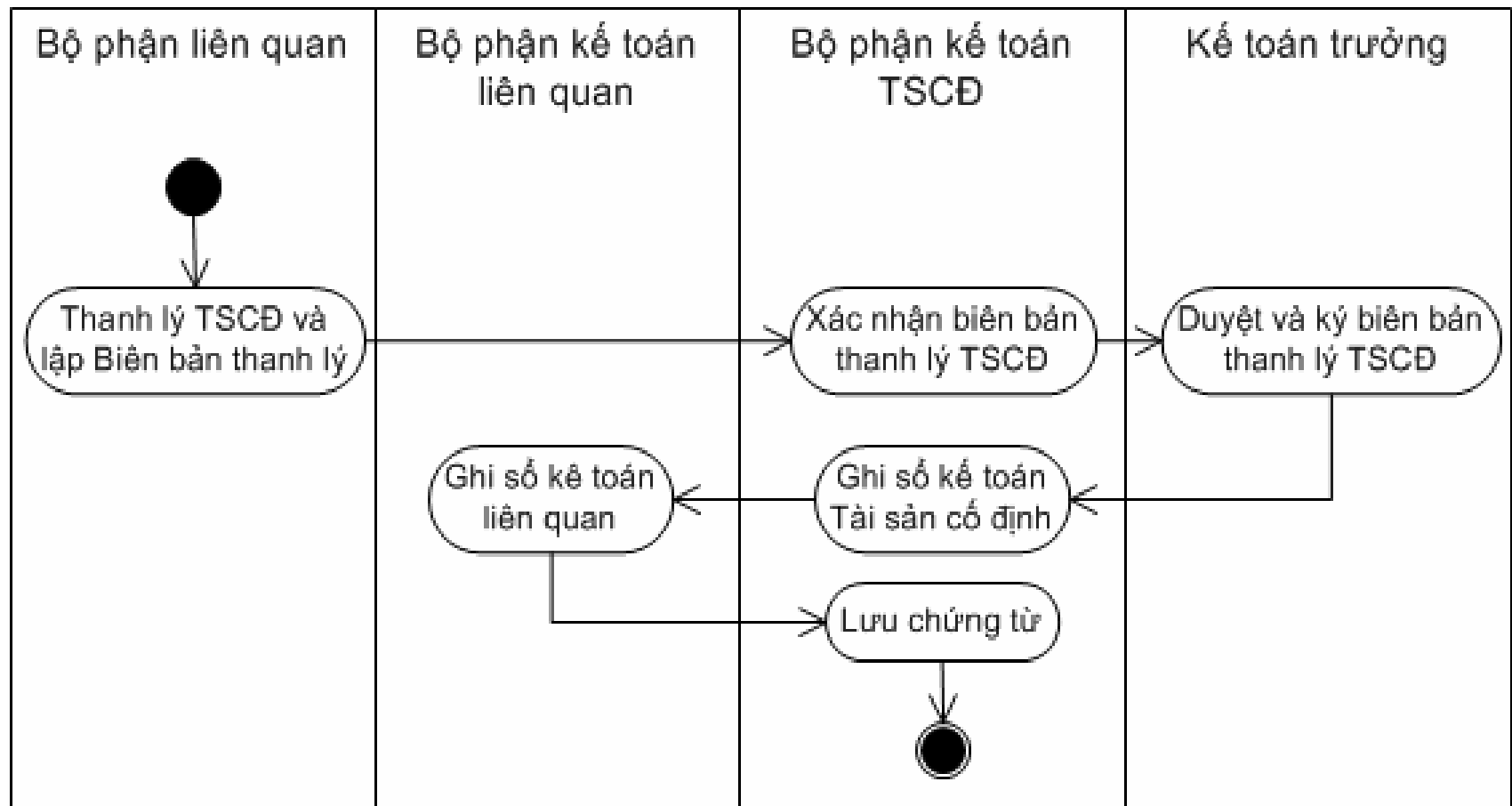
ĐÁNH SỐ HIỆU  
TSCĐ

THẺ TSCĐ

SỔ CHI TIẾT  
TSCĐ

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## ❖ THANH LÝ TSCĐ

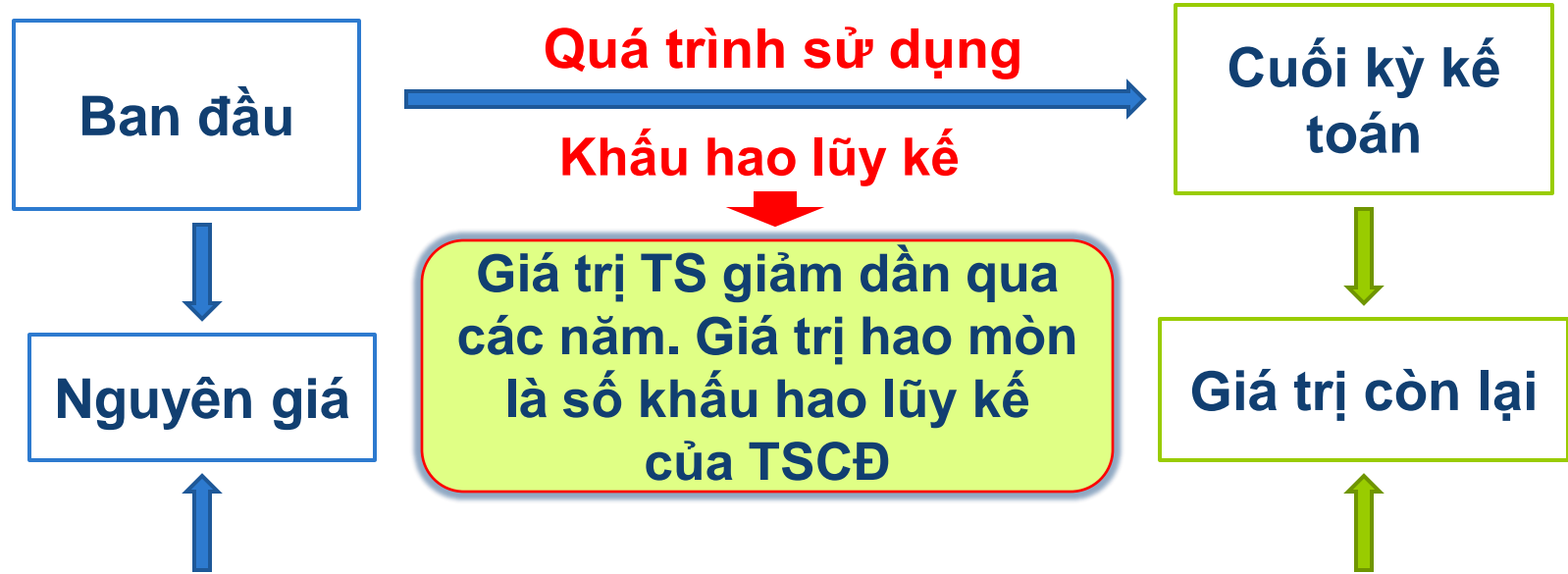


# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

- Mọi trường hợp tăng, giảm TSCĐ đều phải lập chứng từ xác nhận và thành lập ban kiểm nhận tài sản
- TSCĐ được theo dõi chi tiết theo từng tài sản, từng nhóm tài sản. Mỗi tài sản được theo dõi trên một thẻ chi tiết (bao gồm nội dung, đặc điểm, địa điểm sử dụng ...)
- Định kỳ, tiến hành kiểm kê TSCĐ. Mọi trường hợp phát hiện thừa hay thiếu TSCĐ đều phải lập biên bản, tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp xử lý.

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## 1.3. Xác định giá trị của TSCĐ



Toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

**Giá trị còn lại =  
Nguyên giá – Khấu hao  
lũy kế**

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## ❖ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BAN ĐẦU CỦA TSCĐ (historical cost /original cost)

- TSCĐ hình thành do mua sắm

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nguyên} & & \text{Giá mua} & & \text{Các loại thuế} & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản} \\ \text{giá} & = & \text{thực tế} & + & \text{không được} & + & \text{trước khi} & - & \text{giảm giá,} \\ & & \text{trên hóa} & & \text{hoàn lại} & & \text{sử dụng} & & \text{chiết khấu} \\ & & & & & & & & \text{thương mại} \end{array}$$

- TSCĐ xây dựng, chế tạo

Nguyên giá = Giá trị quyết toán/ giá thành thực tế công trình + Chi phí phát sinh từ ngày hoàn thành đến khi đưa vào sử dụng

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

- **TSCĐ từ nhận góp vốn liên doanh, được biểu tặng**

Nguyên giá = Giá trị thực tế đánh giá của hội đồng giao nhận (Căn cứ vào giá thị trường và tỷ lệ còn lại của TS)  
+ Chi phí bên nhận chi ra trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng

- **TSCĐ mua dưới hình thức trả góp**

Nguyên giá = Giá mua trả ngay tại thời điểm mua

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

- **TSCĐ được cấp trên cấp, điều chuyển đến**

Nguyên giá = Giá trị còn lại trên sổ sách của đơn vị cấp hay tính theo sự định giá của hội đồng giao nhận + Chi phí bên nhận chi ra trước khi sử dụng

**Lưu ý:** Khi ghi nhận nguyên giá theo giá trị sổ sách của đơn vị cấp thì phải đồng thời ghi nhận hao mòn lũy kế của TS đến thời điểm giao nhận



# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## ❖ CHI PHÍ PHÁT SINH SAU GHI NHẬN BAN ĐẦU

### ĐỐI VỚI TSCĐ HỮU HÌNH

Không thỏa mãn  
điều kiện tăng  
Nguyên giá

Chi phí SXKD  
trong kỳ

Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng TSCĐ hữu hình nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu.

Chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó

Thay đổi bộ phận

Cải tiến bộ phận

Áp dụng quy trình công nghệ mới

Tăng thời gian hoặc công suất sử dụng

Tăng chất lượng sản phẩm

Giảm chi phí hoạt động TS so với trước

**Tăng nguyên giá  
(capital expenditures)**

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## ❖ NGUYÊN GIÁ CỦA TSCĐ THUÊ TÀI CHÍNH

TH1: Hợp đồng thuê quy định rõ lãi suất:

$$NG = \sum_{t=1}^n \left[ G_t \times \frac{1}{(1+r)^t} \right]$$

TH2: Hợp đồng xác định tổng số tiền phải trả, số tiền lãi phải trả mỗi kỳ:

$$\text{NGUYÊN GIÁ} = \frac{\text{TỔNG SỐ NỢ PHẢI TRẢ THEO HỢP ĐỒNG}}{\text{SỐ TIỀN LÃI PHẢI TRẢ MỖI KỲ}} \times \text{SỐ KỲ THUÊ}$$

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## 1.4. CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

- Hóa đơn mua/bán TSCĐ
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh quyết công trình
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Biên bản kiểm kê TSCĐ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## 1.5. TÀI KHOẢN VÀ SỔ KẾ TOÁN

### ❖ TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

- TK 211 – TSCĐ hữu hình (tagible fixed assets/ non-current tangible assets)
- TK 213 – TSCĐ vô hình (intangible fixed assets/ non-current intangible assets)
- TK 214 – Hao mòn TSCĐ (Depreciation/Amortization of fixed assets)

### ❖ SỔ SÁCH KẾ TOÁN ([chung tu tscd.docx](#))

- Sổ tài sản cố định
- Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng
- Thẻ TSCĐ

# 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ

## 1.6 PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN

Quá trình  
hình thành

Quá trình  
sử dụng

Quá trình  
bảo quản

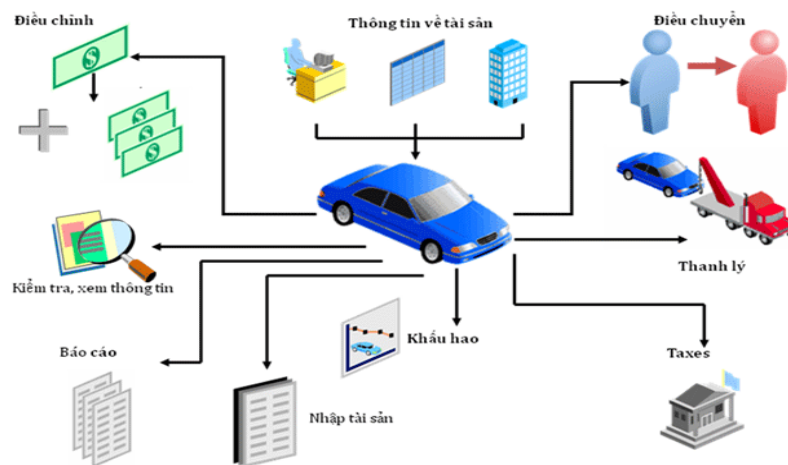
Thanh lý,  
nhượng bán

Kế toán  
tăng TSCĐ

Kế toán khấu  
hao TSCĐ

Kế toán sửa  
chữa TSCĐ

Kế toán  
giảm TSCĐ



Hiện vật

Giá trị

Quản lý TSCĐ



# KT các nghiệp vụ chủ yếu

## KT TĂNG TSCĐ:

- 1) Mua TSCĐ trong nước: \*
  - a. Qua lắp đặt, chạy thử.
  - b. Khi đưa TSCĐ vào sử dụng
- 2) Mua TSCĐ về sử dụng ngay. \*
- 3) Nhập khẩu TSCĐ. \*
- 4) Mua trả góp TSCĐ. \*



# KT các nghiệp vụ chủ yếu

### KT TĂNG TSCĐ:

- 5) Nhận GVLD, nhận vốn cấp bằng TSCĐ. \*
- 6) Nhận TSCĐ được tài trợ, biếu tặng. \*
- 7) TSCĐ thừa phát hiện qua kiểm kê (thiếu sót do DN chưa ghi sổ).



### KT các nghiệp vụ chủ yếu

#### KT GIẢM TSCĐ:

- 8) Các khoản giảm trừ khi mua TSCĐ (CKTM, giảm giá, hàng trả lại). \*
- 9) Nhượng bán, thanh lý TSCĐ. \*
- 10) Kiểm kê phát hiện thiếu TSCĐ (chưa rõ nguyên nhân).
- 11) Đem TSCĐ góp vốn liên doanh. \*





## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

# TK 211, 213

xem KT NVL





## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

# KT các nghiệp vụ chủ yếu

1,2

MUA TSCĐ TRONG NƯỚC: VAT KHẤU TRỪ:

TK 111, 112, 331

TK 211, 213

a

TK 133

b

Chuyển nguồn vốn (nếu có)



## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

# KT các nghiệp vụ chủ yếu

3

### NHẬP KHẨU TSCĐ:

TK 111, 112, 331

TK 211, 213

(a) CIF

TK 333 (3,2)

(b) THUẾ NK, TTĐB

TK 33312

TK 1332

(c) VAT HÀNG NK

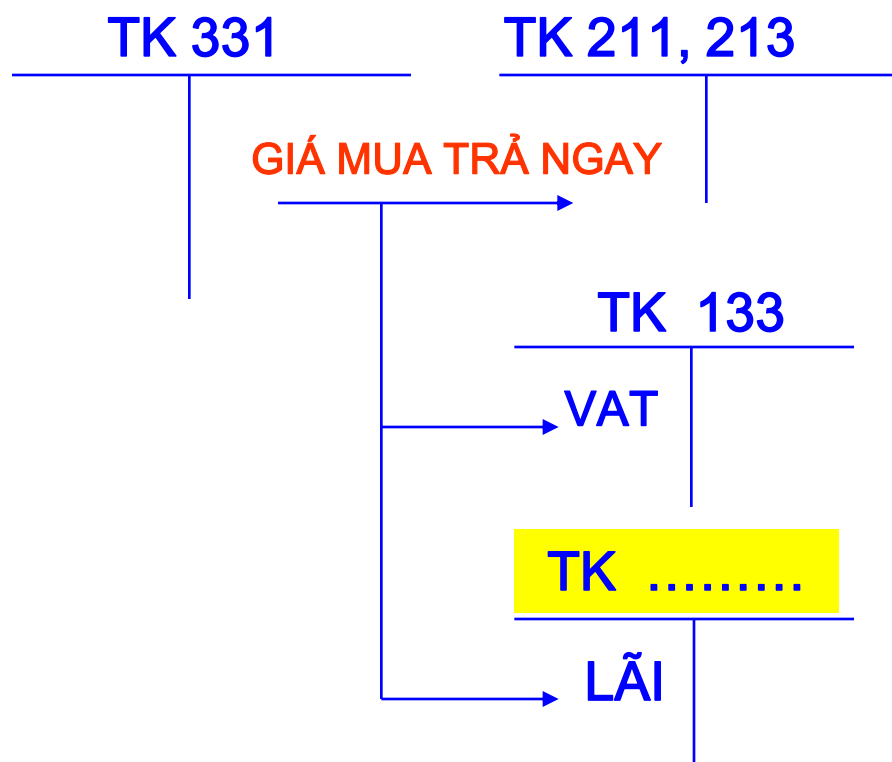


## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

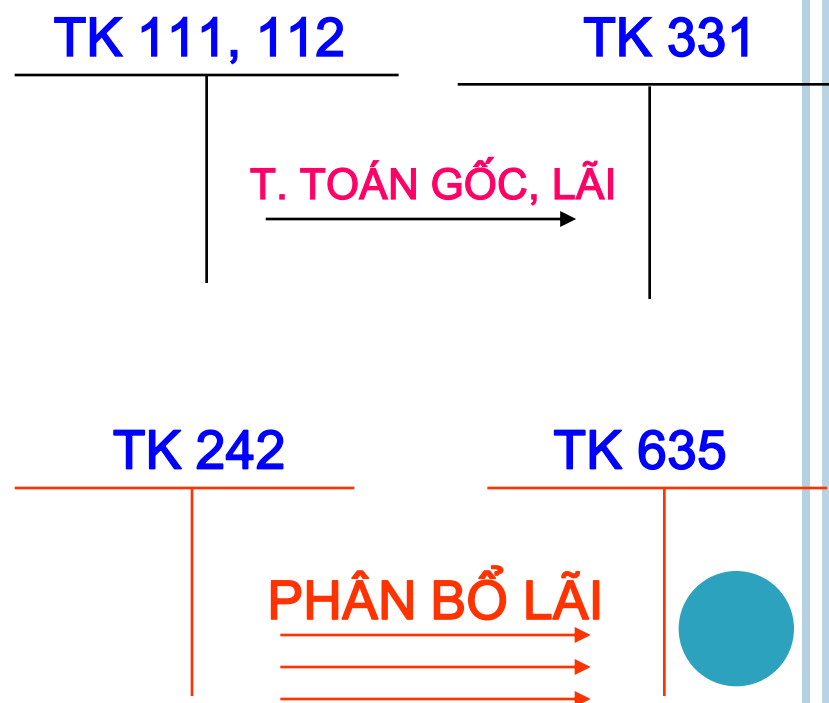
# KT các nghiệp vụ chủ yếu

28

### 4 MUA TRẢ GÓP TSCĐ: MUA



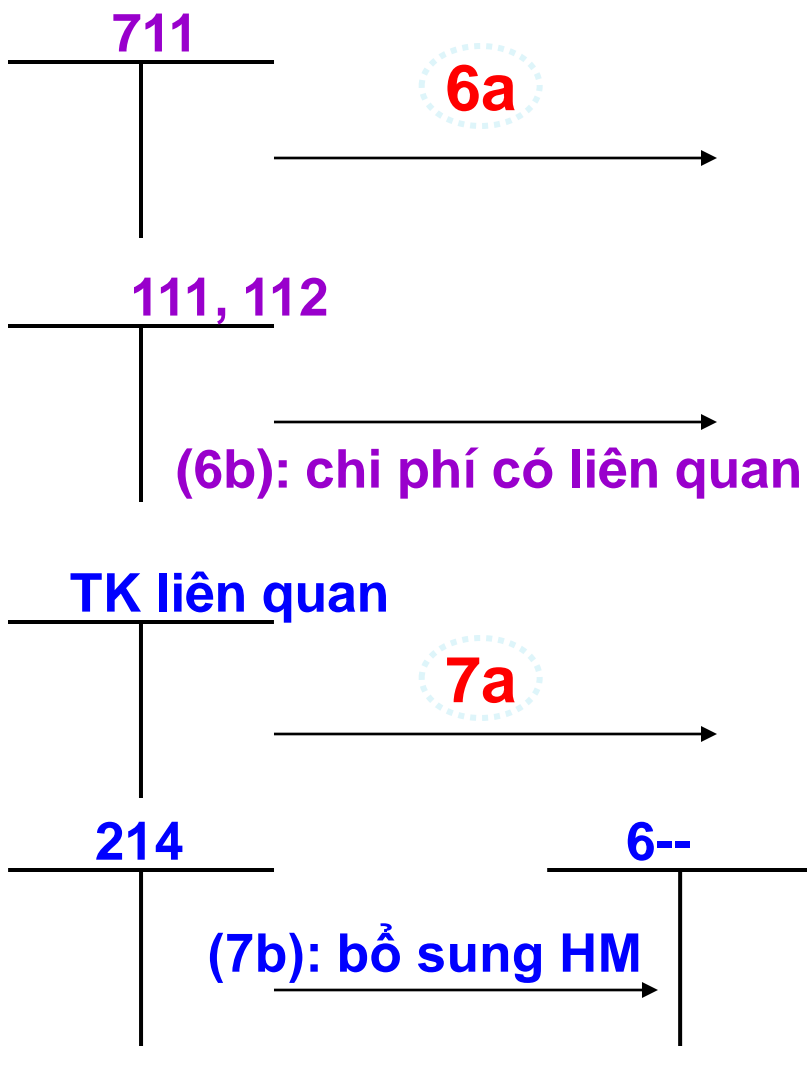
### MUA TRẢ GÓP TSCĐ: THANH TOÁN





## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

# TK 211, 213





## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

- Mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc có gắn liền với quyền sử dụng đất

111, 112, 331

211

Nhà cửa, vật kiến trúc

213

Quyền sử dụng đất

133

Theo phương pháp khấu trừ





## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

- TSCĐ tăng do đầu tư xây dựng cơ bản

111, 152, 153, 331

(1) Chi phí phát sinh  
liên quan đến việc  
mua và XD TSCĐ  
133

241

(2) Quá trình xây  
dựng hoàn thành

211

411

(3) Kết chuyển nguồn vốn

441, 414





## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

- Nhận lại TSCĐ mang đi cầm cố

### ĐEM CẦM CỐ

211

214

244

.....

.....

.....

### NHẬN VỀ

214

211

244

.....

.....

.....





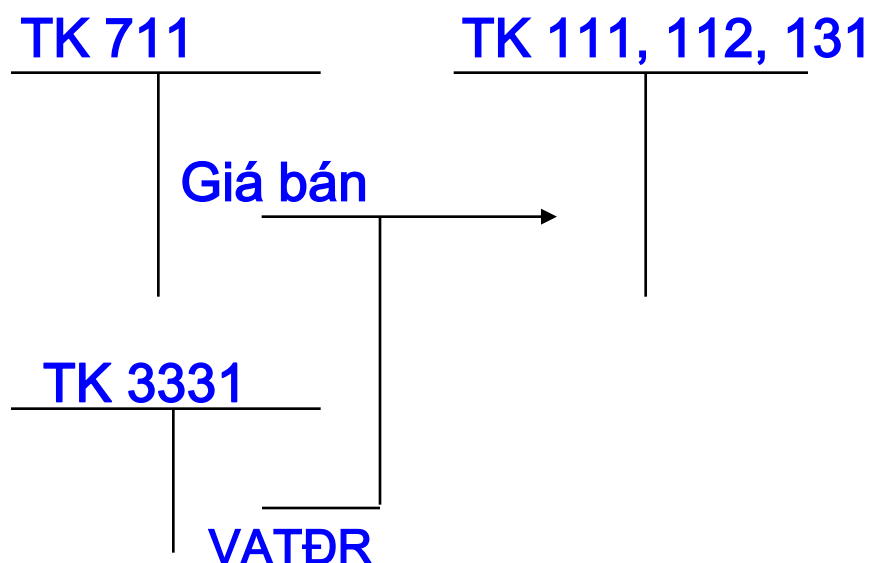


## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

# KT các nghiệp vụ chủ yếu

9

NHƯỢNG BÁN, THANH LÝ TSCĐ:



(9a): tiền thu từ bán, thanh lý

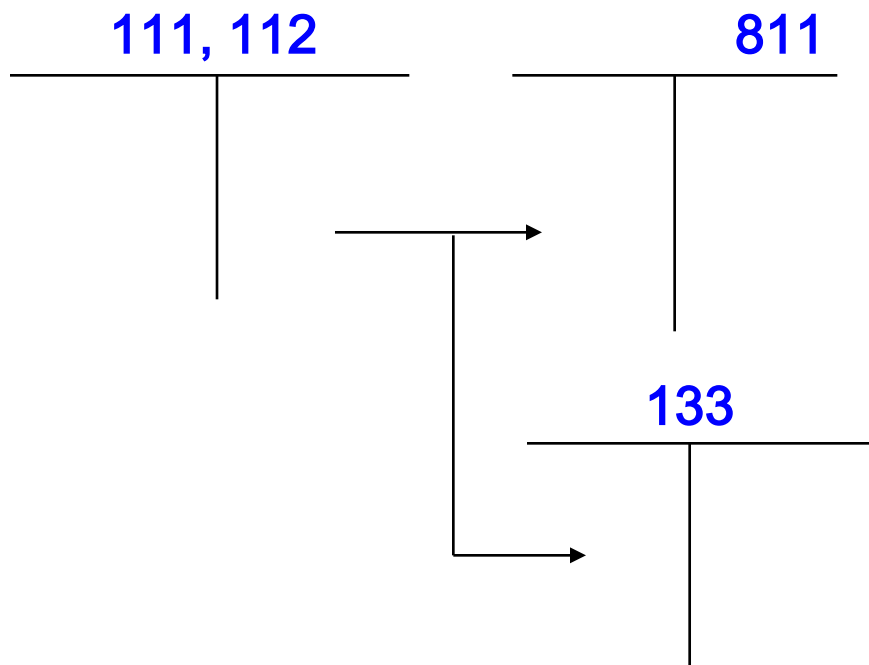


## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

# KT các nghiệp vụ chủ yếu

9

NHƯỢNG BÁN, THANH LÝ TSCĐ:



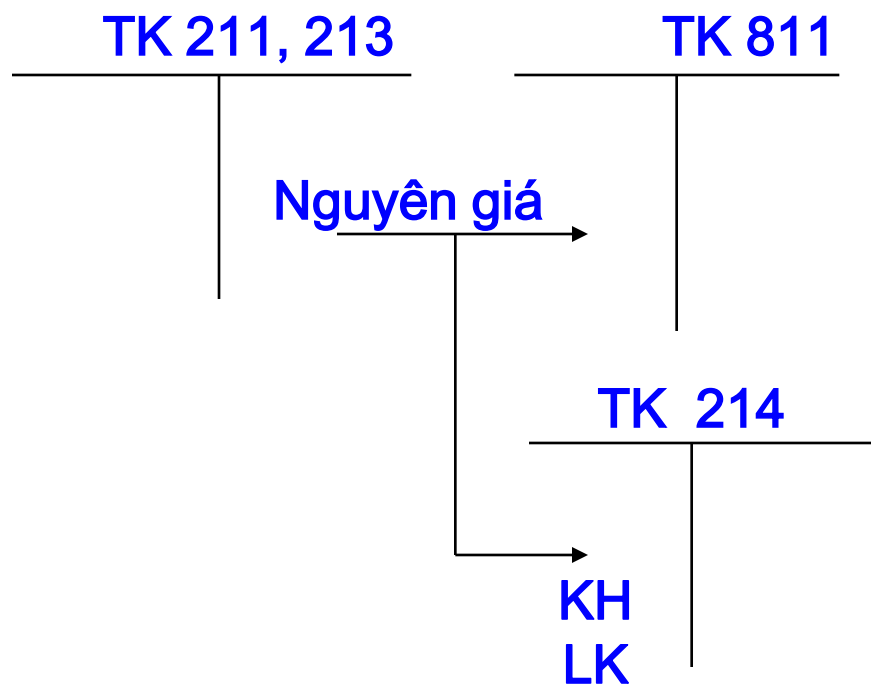
(9b): chi phí liên quan



## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

# KT các nghiệp vụ chủ yếu

### 9 NHƯỢNG BÁN, THANH LÝ TSCĐ:

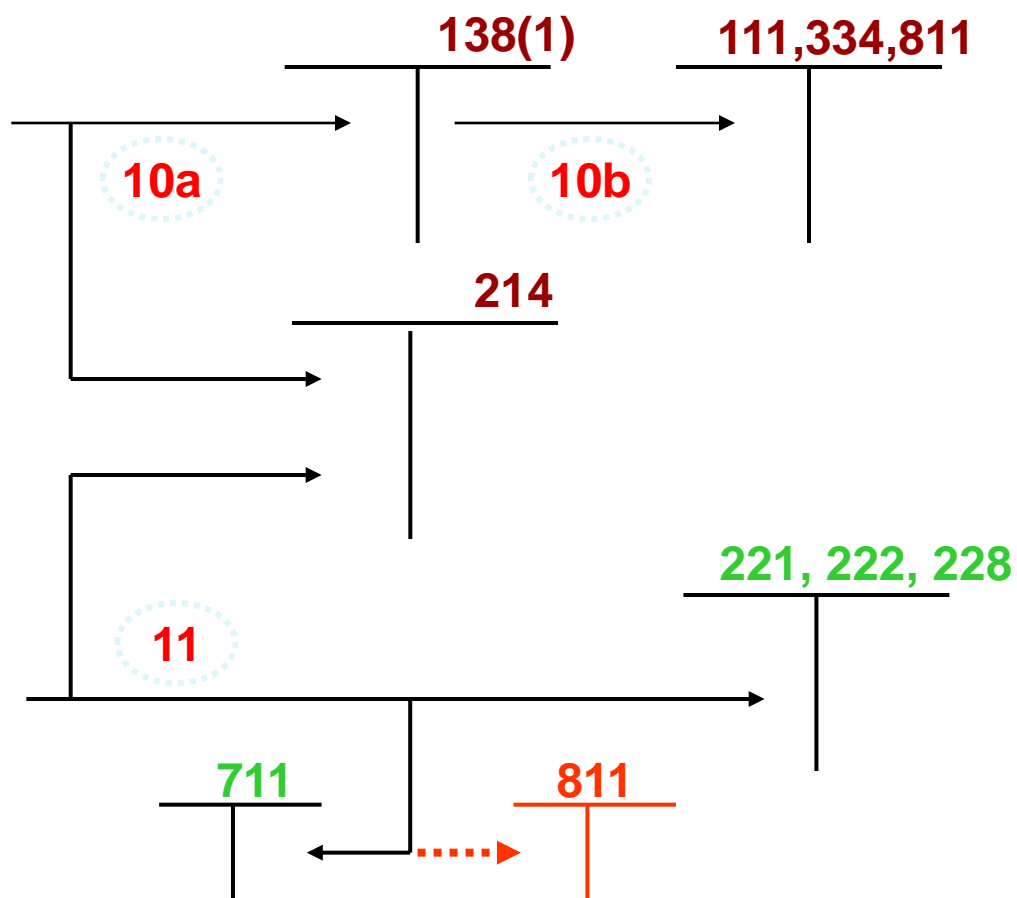


(9b): ghi giảm TSCĐ



## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

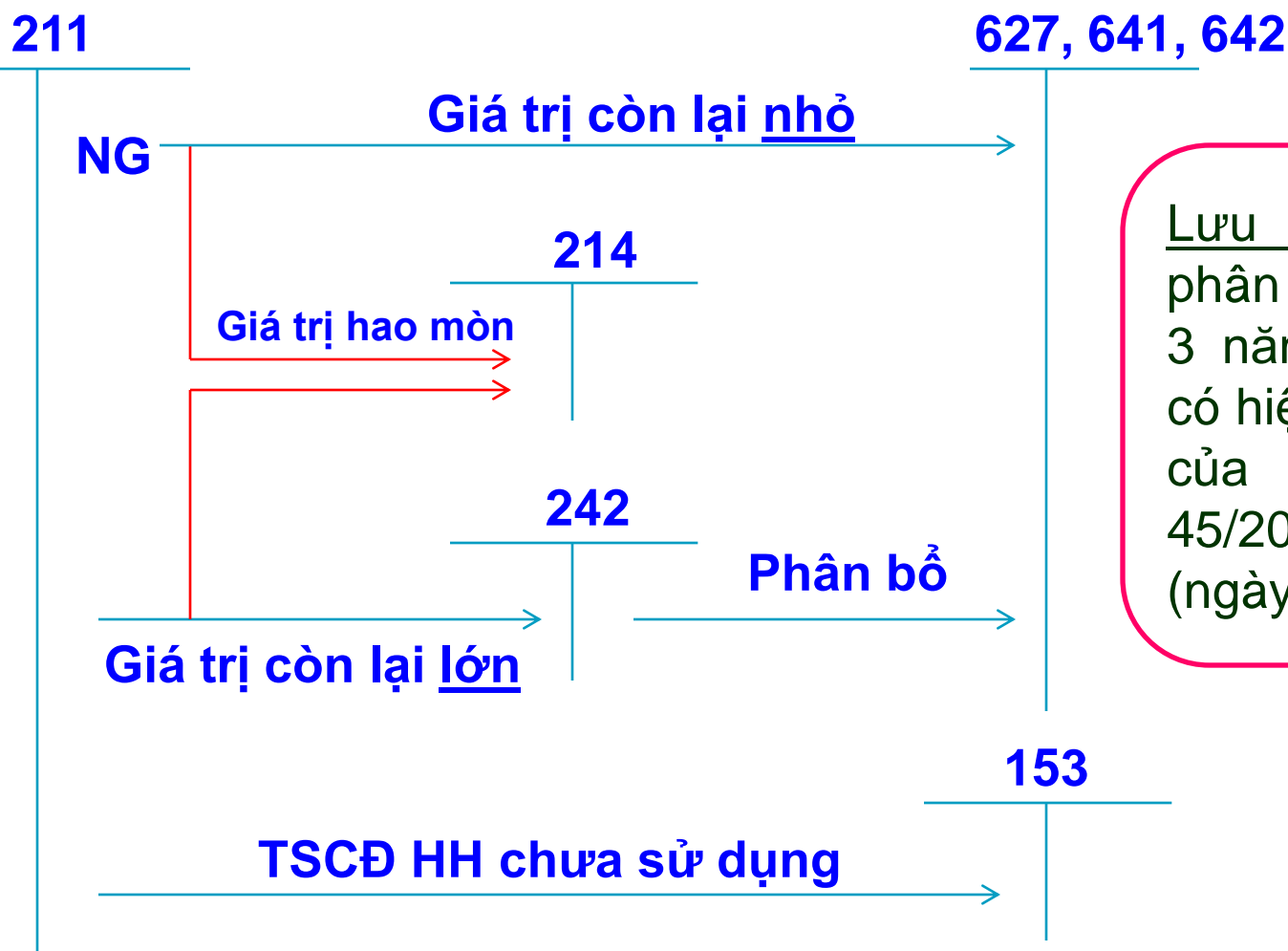
### TK 211, 213





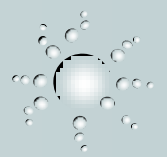
## KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ

- TSCĐ giảm do chuyển thành CCDC



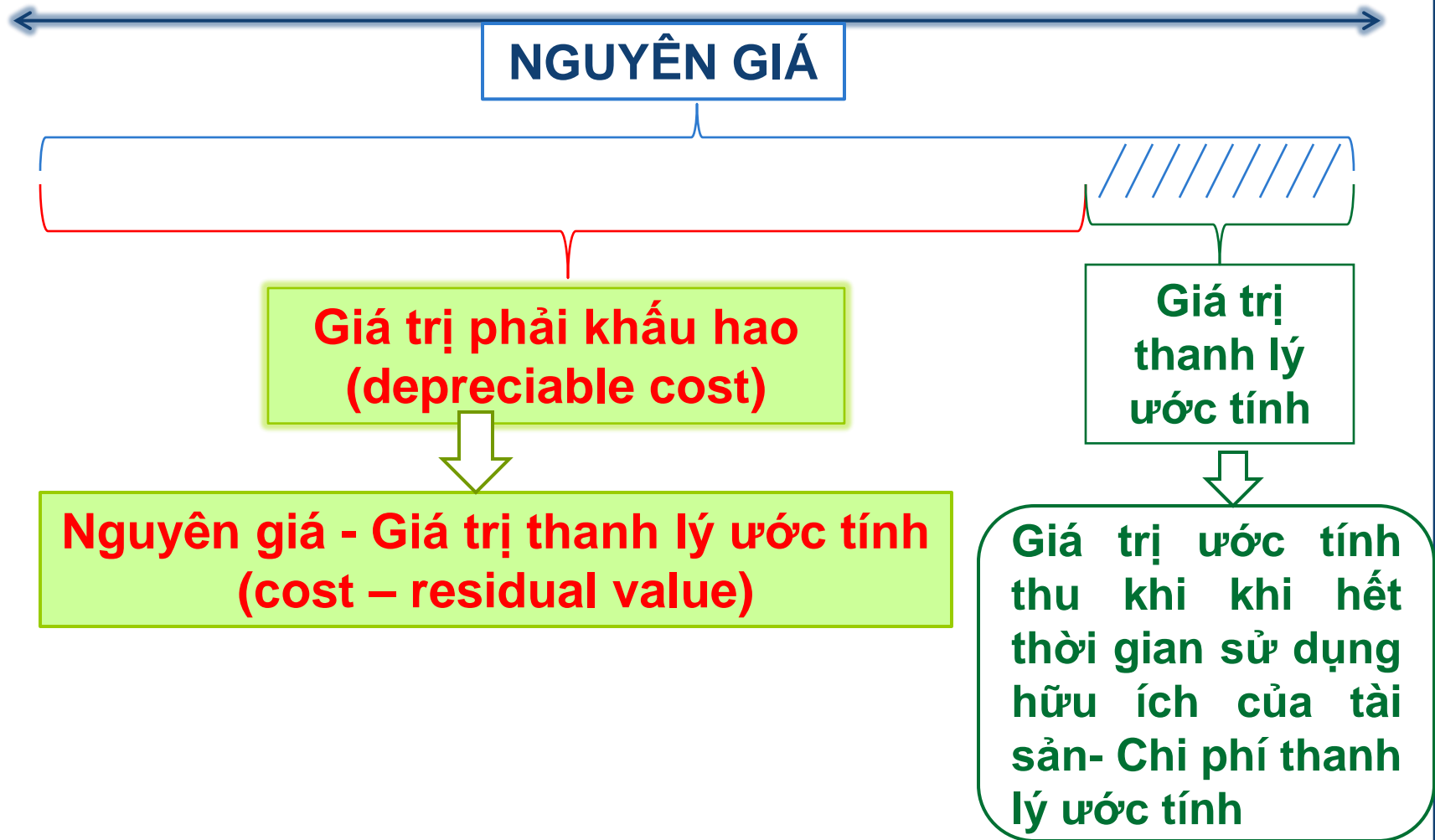
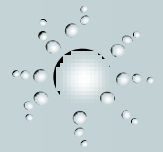
Lưu ý: thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư 45/2013/TT-BTC (ngày 10/6/2013)

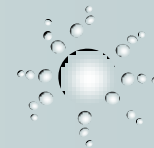
### 3. KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



- ❖ Khấu hao TSCĐ (Depreciation/ Amortisation of non - current assets): là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao (depreciable cost) của tài sản cố định trong suốt thời gian sử dụng hữu ích (useful life) của tài sản đó.
- ❖ Số khấu hao lũy kế của TSCĐ (Accumulated depreciation): là tổng cộng số khấu hao đã trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh qua các kỳ kinh doanh của tài sản cố định tính đến thời điểm báo cáo.
- ❖ Giá trị còn lại của TSCĐ (Carrying amount/ Book value) = Nguyên giá - số khấu hao lũy kế (hoặc giá trị hao mòn lũy kế) của TSCĐ tính đến thời điểm báo cáo.

### 3. KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



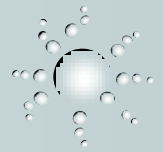


#### ❖ Phương pháp tính khấu hao

- Phương pháp khấu hao đường thẳng. (Straight-line depreciation method)
- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh. (Declining-balance depreciation method).
- Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm. (Units-of-output depreciation method)



### 3. KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



- **Phương pháp khấu hao đường thẳng**

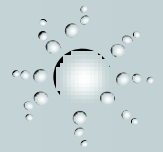
$$\text{Mức khấu hao (năm)} = \frac{\text{Giá trị phải khấu hao}}{\text{Thời gian khấu hao}}$$

(VAS 03)

- Giá trị phải khấu hao = Nguyên giá – Giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó

(Depreciable amount = cost - expected residual value)

### 3. KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



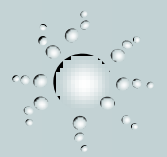
- **Phương pháp khấu hao đường thẳng**

$$\text{Mức khấu hao (năm)} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian khấu hao}}$$

(Thông tư 45/2013/TT/BTC)

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

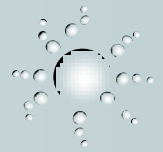
### 3. KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



Doanh nghiệp tự xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.

- Đối với tài sản cố định còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định (quy định tại Phụ lục 1 Thông tư 45) để xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định.
- Thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao TSCĐ phải được xem xét lại ít nhất là vào cuối mỗi năm tài chính.
  - Nếu thời gian sử dụng hữu ích ước tính (estimated useful life) của tài sản khác biệt lớn so với các ước tính trước đó thì thời gian khấu hao phải thay đổi tương ứng.
  - Phương pháp khấu hao thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức ước tính thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ

### 3. KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



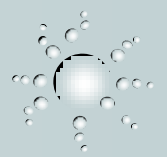
- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh.

Mức trích khấu hao (năm) = Giá trị còn lại x Tỷ lệ khấu hao nhanh

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{1}{\text{Thời gian khấu hao}} \times \text{Hệ số điều chỉnh} \times 100$$

Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

### 3. KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ

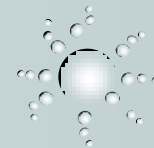


- Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng của tài sản cố định quy định tại bảng dưới đây:

| Thời gian trích khấu hao của TSCĐ                           | Hệ số điều chỉnh (lần) |
|---|------------------------|
| Đến 4 năm ( $t \leq 4$ năm)                                 | .....                  |
| Trên 4 đến 6 năm ( $4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm}$ ) | .....                  |
| Trên 6 năm ( $t > 6 \text{ năm}$ )                          | .....                  |

**Lưu ý:** Những năm cuối, khi mức khấu hao năm theo phương pháp số dư giảm dần **bằng hoặc thấp hơn** mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng **giá trị còn lại chia cho số năm sử dụng còn lại**.

### 3. KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ

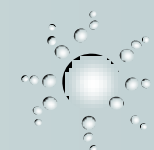


- **Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm**
  - Khấu hao theo số lượng sản phẩm: dựa trên tổng số đơn vị sản phẩm ước tính tài sản có thể tạo ra.

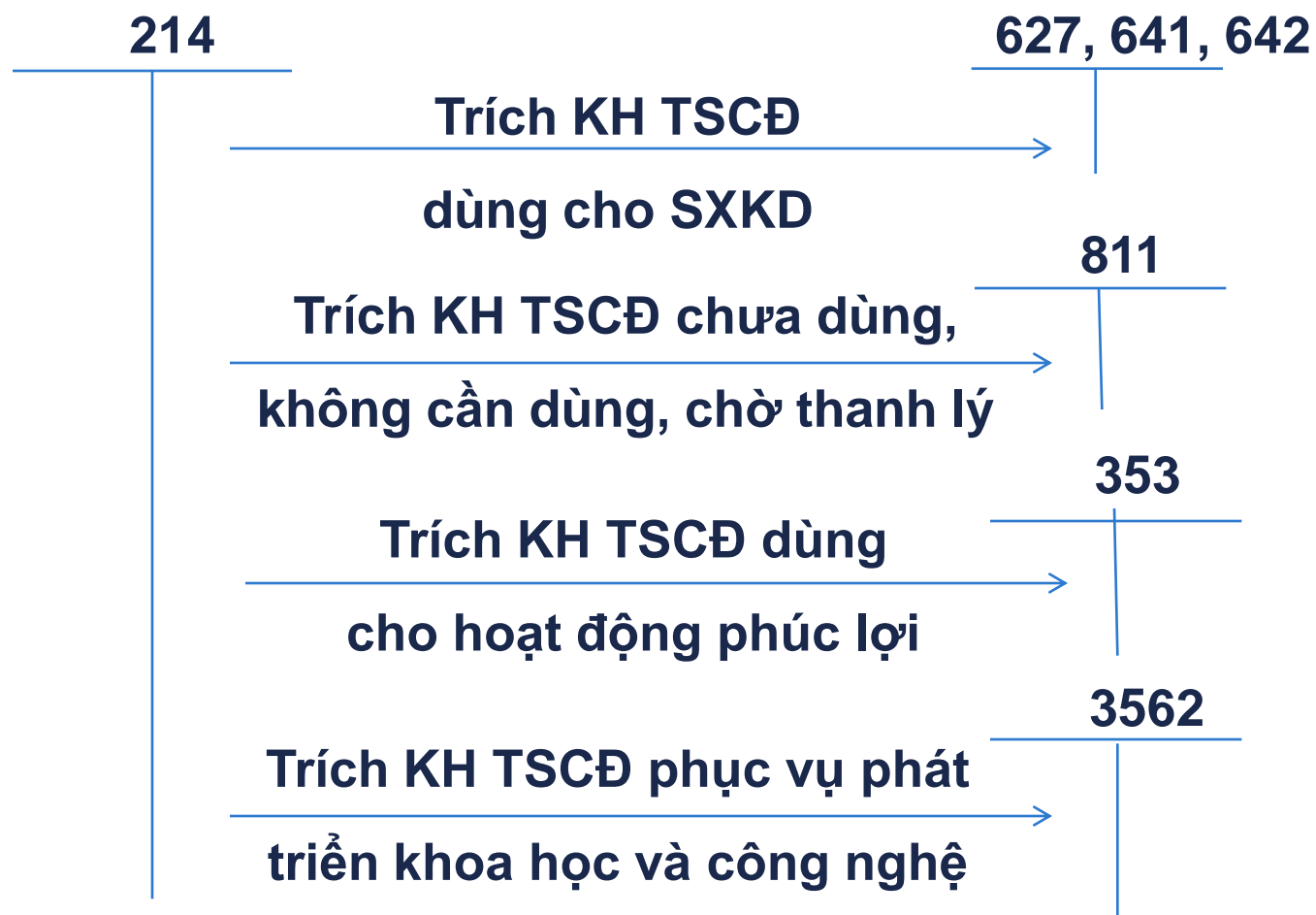
|  |   |                                      |   |   |
|--|---|--------------------------------------|---|---|
| Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định | = | Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm | X | Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm |
|--|---|--------------------------------------|---|---|

|   |   |  |
|---|---|--|
| Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm | = | $\frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$ |
|---|---|--|

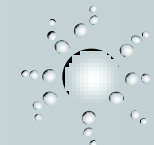
### 3. KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



#### ❖ Trích Khấu Hao TSCĐ



## 4. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TSCĐ



### Sửa chữa TSCĐ (Maintenance, Reconstruction and Repairs)

#### ▪ Sửa chữa nhỏ (thường xuyên)

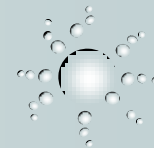
- Bảo dưỡng, sửa chữa thay thế từng bộ phận, chi tiết nhỏ nhằm duy trì hoạt động bình thường của TSCĐ cho đến kỳ sửa chữa lớn.
- Thời gian sửa chữa ngắn, không làm gián đoạn SXKD.
- Chi phí sửa chữa thấp.

#### ▪ Sửa chữa lớn

- Sửa chữa thay thế cùng một lúc những bộ phận, chi tiết chủ yếu của TSCĐ, nếu không sửa chữa thì không thể hoạt động được.
- Thời gian sửa chữa dài.
- Chi phí sửa chữa lớn



## 4. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TSCĐ

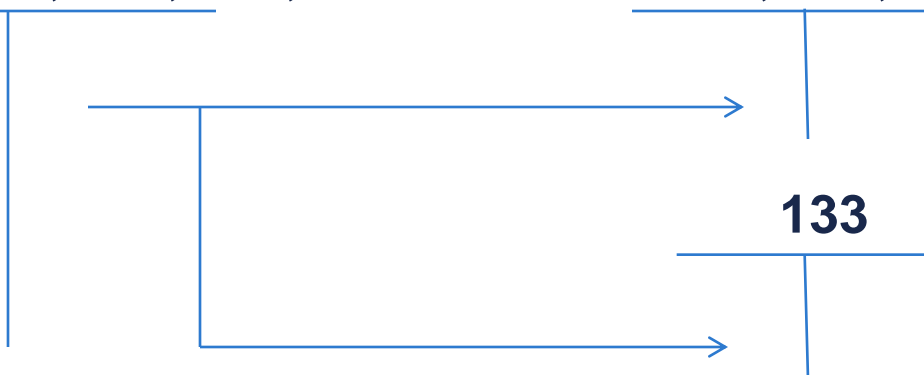


### 4.1. Kế toán sửa chữa thường xuyên (Sửa chữa nhỏ)

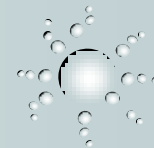
→ Do thời gian sửa chữa ngắn và chi phí thấp nên được tính một lần vào chi phí SXKD trong kỳ của Doanh Nghiệp.

111, 112, 15\*, 334, 338, 331

627, 641, 642



# 4. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TSCĐ

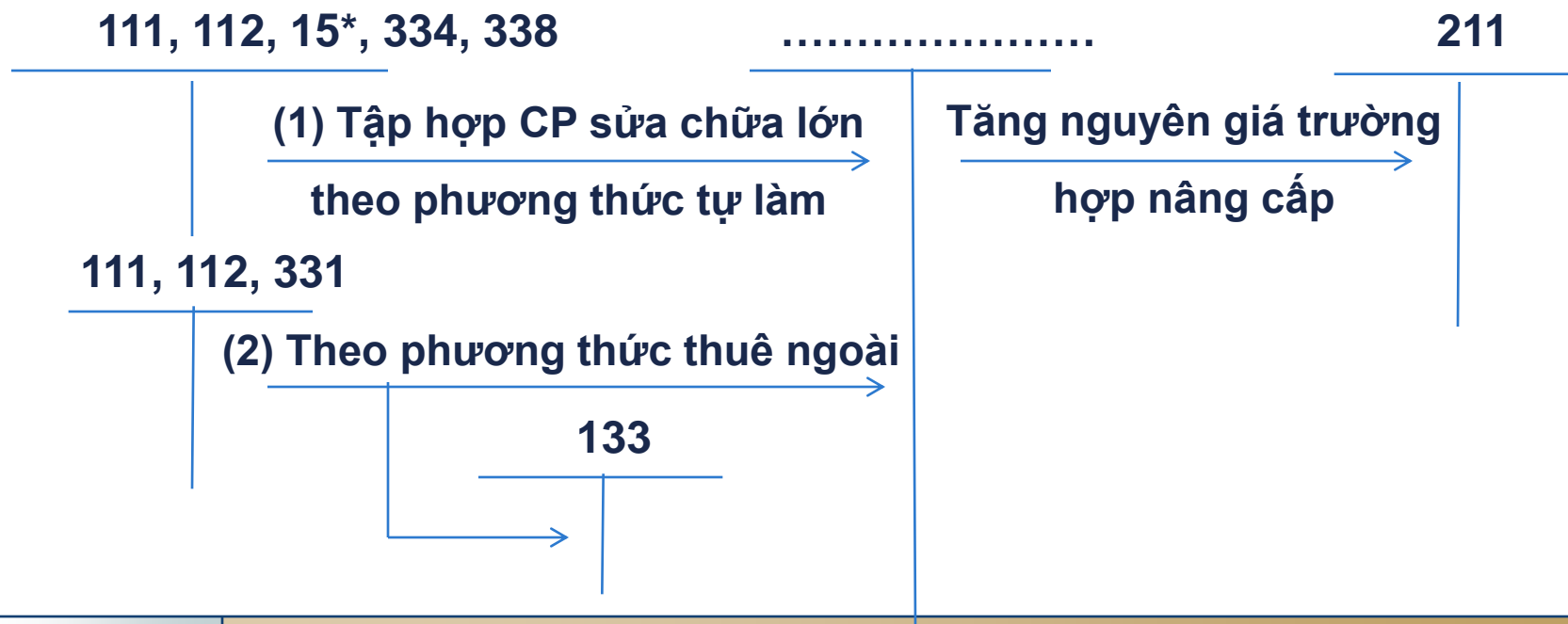


## 4.2. Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ

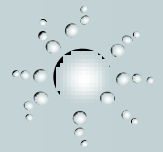
Do thời gian sửa chữa dài và chi phí lớn nên toàn bộ chi phí sửa chữa lớn được tập hợp vào bên **Nợ TK 241 – Xây dựng cơ bản dở dang**. Sau khi hoàn thành

❖ **TH1:** Nếu công việc sửa chữa là để **đầu tư nâng cấp TSCĐ**

→ Ghi **tăng nguyên giá** của TSCĐ đó → **TK 211**



## 4. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TSCĐ

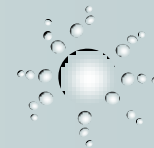


### ❖ TH2: Khi không thỏa điều kiện ghi nhận TSCĐ

1. Chi phí sửa chữa lớn có liên quan nhiều kỳ và phát sinh đột xuất chưa có kế hoạch trích trước thì chi phí sửa chữa lớn được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ, nhưng tối đa không quá 3 năm → TK 242- Chi phí trả trước

(Thông tư 45/ 2013/ TT/ BTC và Thông tư 200/2014/TT/BTC)

# 4. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TSCĐ



Giao đoạn đang sửa chữa

Sửa chữa  
hoàn thành

Giai đoạn sử dụng  
TSCĐ

111, 15\*, 334..

(1) Phương thức tự làm

133

111, 112, 331

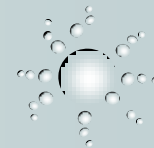
(2) Phương thức thuê ngoài

.....  
Kết chuyển CP  
khi hoàn thành

.....  
Phân bổ vào  
CP SXKD

627, 641, 642

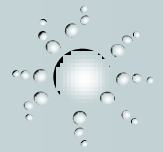
## 4. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TSCĐ



2. Đối với TSCĐ đặc thù (theo yêu cầu kỹ thuật) phải được tiến hành sửa chữa lớn có tính chu kỳ, kế toán thực hiện trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ  
→ TK 352-Dự phòng phải trả
- Nếu số thực chi sửa chữa TSCĐ lớn hơn số trích theo dự toán thì DN được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

(Thông tư 200/2014/TT/BTC)

# 4. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TSCĐ



Giao đoạn đang sửa chữa

Sửa chữa  
hoàn thành

Giai đoạn sử dụng  
TSCĐ

111, 15\*, 334..

(1) Phương thức tự làm

133

111, 112, 331

(2) Phương thức thuê ngoài

.....

Kết chuyển  
CP khi hoàn  
thành

.....

*Định kỳ trích  
trước CP sửa  
chữa lớn*

627, 641, 642

# 5. THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRÊN BCTC

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ( Statement of financial position)

| TÀI SẢN                                   | Số tiền |
|---|---------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                |         |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                |         |
| <b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>        |         |
| - Nguyên giá                              | xxx     |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)              | (xxx)   |
| <b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>  |         |
| - Nguyên giá                              |         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)              |         |
| <b>3. Tài sản cố định vô hình</b>         |         |
| - Nguyên giá                              |         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)              |         |
| <b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b> |         |

Trình bày  
theo giá trị  
còn lại

Trình bày  
theo chi  
phí thực tế  
phát sinh  
trong kỳ

## 5. THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRÊN BCTC

### ❖ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Notes to the financial statements)

- Thông tin trình bày trên thuyết minh BCTC sẽ giúp cho người sử dụng BCTC có thêm thông tin về các chính sách kế toán áp dụng đối với TSCĐ và tình hình biến động của từng loại, nhóm TSCĐ.
- Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính trình bày ở mục IV. Các chính sách kế toán áp dụng.

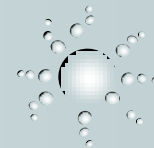


## 5. THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRÊN BCTC

### ❖ Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

**Trình bày ở khoản 9 mục VI.  
Thông tin bổ sung cho các khoản  
mục trình bày trong Bảng Cân đối  
kế toán**

| Khoản mục                         | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | ... | TSCĐ hữu hình khác | Tổng cộng |
|-----------------------------------|------------------------|-------------------|---------------------------------|-----|--------------------|-----------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| Số dư đầu năm                     |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Mua trong năm                   |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Đầu tư XD CB hoàn thành         |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Tăng khác                       |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Chuyển sang bất động sản đầu tư |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Thanh lý, nhượng bán            |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Giảm khác                       |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| Số dư cuối năm                    |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| Số dư đầu năm                     |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Khấu hao trong năm              |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Tăng khác                       |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Chuyển sang bất động sản đầu tư |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Thanh lý, nhượng bán            |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Giảm khác                       |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| Số dư cuối năm                    |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Tại ngày đầu năm                |                        |                   |                                 |     |                    |           |
| - Tại ngày cuối năm               |                        |                   |                                 |     |                    |           |



### ❖ Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
  - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
  - Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;
  - Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
  - Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

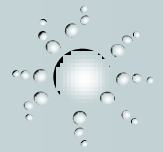
## 5. THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRÊN BCTC

### ❖ Tăng, giảm TSCĐ vô hình

**Trình bày ở khoản 10 mục VI.  
Thông tin bổ sung cho các khoản  
mục trình bày trong Bảng Cân đối  
kế toán**

| Khoản mục                     | Quyền<br>sử dụng<br>đất | Quyền<br>phát<br>hành | Bản quyền,<br>bằng sáng<br>chế | ... | TSCĐ<br>vô hình<br>khác | Tổng<br>cộng |
|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------------|-----|-------------------------|--------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                         |                       |                                |     |                         |              |
| Số dư đầu năm                 |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Mua trong năm               |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Tạo ra từ nội bộ DN         |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Tăng do hợp nhất kinh doanh |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Tăng khác                   |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Thanh lý, nhượng bán        |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Giảm khác                   |                         |                       |                                |     |                         |              |
| Số dư cuối năm                |                         |                       |                                |     |                         |              |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                         |                       |                                |     |                         |              |
| Số dư đầu năm                 |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Khấu hao trong năm          |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Tăng khác                   |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Thanh lý, nhượng bán        |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Giảm khác                   |                         |                       |                                |     |                         |              |
| Số dư cuối năm                |                         |                       |                                |     |                         |              |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Tại ngày đầu năm            |                         |                       |                                |     |                         |              |
| - Tại ngày cuối năm           |                         |                       |                                |     |                         |              |

## 5. THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRÊN BCTC



### ❖ Tăng, giảm TSCĐ vô hình

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác.